



HAGL Group

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

**Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)**

Quý I năm 2011



HAGL Group

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

**Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)**

Quý I năm 2011

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	7 - 26

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 31 tháng 3 năm 2011

B01-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 27)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.567.039.932	7.715.420.819
110	I. Tiền		2.075.671.323	2.634.154.476
111	1. Tiền	4	2.075.671.323	2.634.154.476
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn		81.783.240	81.783.240
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	81.783.240
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.000.943.625	4.640.927.654
131	1. Phải thu khách hàng	6	381.120.399	343.375.814
132	2. Trả trước cho người bán	7	70.697.538	46.644.861
135	3. Các khoản phải thu khác	8	4.549.125.688	4.250.906.979
140	IV. Hàng tồn kho		341.317.159	298.168.353
141	1. Hàng tồn kho	9	341.317.159	298.168.353
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		67.324.585	60.387.096
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		39.765.664	41.633.046
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		12.758.152	10.363.103
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		650.450	650.450
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	14.150.319	7.740.497
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.421.839.527	5.159.283.388
220	I. Tài sản cố định		570.818.641	617.453.484
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	367.035.034	358.923.916
222	Nguyên giá		420.134.890	406.217.359
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(53.099.856)	(47.293.443)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	74.461.365	74.463.899
228	Nguyên giá		75.617.907	75.432.978
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.156.542)	(969.079)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	129.322.242	184.065.669
250	II. Các khoản đầu tư dài hạn		4.810.283.910	4.504.839.003
252	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	4.416.485.995	4.099.825.765
258	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	25.500.000	25.500.000
259	3. Đầu tư dài hạn khác	15	368.297.915	379.513.238
260	III. Tài sản dài hạn khác		40.736.976	36.990.901
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	25.766.504	27.674.469
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		13.357.372	7.703.332
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.613.100	1.613.100
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		12.988.879.459	12.874.704.207

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2011

B01-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 27)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.679.727.914	3.843.644.861
310	I. Nợ ngắn hạn		2.785.858.502	2.959.416.013
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	2.039.992.983	2.259.196.966
312	2. Phải trả cho người bán		99.836.196	110.657.112
313	3. Người mua trả tiền trước		40.238.875	46.777.812
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	273.845.704	181.309.437
315	5. Phải trả công nhân viên		5.681.157	3.775.534
316	6. Chi phí phải trả	19	53.429.486	83.598.661
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	20	201.259.971	165.870.540
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		71.574.130	108.229.951
330	II. Nợ dài hạn		893.869.412	884.228.848
333	1. Phải trả dài hạn khác		992.154	984.754
334	2. Vay và nợ dài hạn	21	892.702.900	883.069.736
336	3. Dự phòng trợ cấp thôi việc		174.358	174.358
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.309.151.545	9.031.059.346
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	9.309.151.545	9.031.059.346
411	1. Vốn cổ phần		4.672.805.900	3.115.206.970
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.880.972.568	3.504.012.140
417	3. Quỹ đầu tư và phát triển		8.622.737	8.622.737
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		230.051.745	210.865.390
420	5. Lợi nhuận chưa phân phối		1.516.698.595	2.192.352.109
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		12.988.879.459	12.874.704.207


Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2011

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2011

B02-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	115.585.067	314.355.262	115.585.067	314.355.262
02	2. Các khoản giảm trừ	23.1	(79.253)	(71.427)	(79.253)	(71.427)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	115.505.814	314.283.835	115.505.814	314.283.835
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(97.795.290)	(210.973.630)	(97.795.290)	(210.973.630)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.710.524	103.310.205	17.710.524	103.310.205
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	466.128.373	685.317.335	466.128.373	685.317.335
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	25	(57.331.420)	(51.748.277)	(57.331.420)	(51.748.277)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(53.042.288)	(51.424.193)	(53.042.288)	(51.424.193)
24	8. Chi phí bán hàng		(11.258.927)	(10.348.785)	(11.258.927)	(10.348.785)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(16.904.913)	(14.587.657)	(16.904.913)	(14.587.657)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		398.343.637	711.942.821	398.343.637	711.942.821
31	11. Thu nhập khác	26	174.035	400.091	174.035	400.091
32	12. Chi phí khác	26	(1.295.381)	(4.800.482)	(1.295.381)	(4.800.482)
40	13. Lỗ khác	26	(1.121.346)	(4.400.391)	(1.121.346)	(4.400.391)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2011

B02-DN


Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Lợi nhuận trước thuế		397.222.291	707.542.430	397.222.291	707.542.430
51	15. Thuế TNDN hiện hành		(102.560.279)	(77.493.111)	(102.560.279)	(77.493.111)
52	16. Thuế TNDN hoãn lại		5.654.040	14.458.532	5.654.040	14.458.532
60	17. Lợi nhuận thuần trong kỳ		300.316.052	644.507.851	300.316.052	644.507.851



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng




Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2011

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2011

B03-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		397.222.291	707.542.430
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		6.000.179	11.444.909
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(464.684.840)	(680.137.754)
06	Chi phí lãi vay	25	53.042.288	51.424.193
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(8.420.082)	90.273.778
09	Giảm /(tăng) các khoản phải thu		170.342.565	(346.525.545)
10	(Tăng) /giảm hàng tồn kho		(43.148.806)	14.222.342
11	Tăng các khoản phải trả		12.868.039	105.603.863
12	Giảm chi phí trả trước		3.775.347	8.087.367
13	Tiền lãi vay đã trả		(32.972.913)	(42.226.847)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.000.000)	(5.000.000)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(58.879.674)	(16.054.447)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		33.564.476	(191.619.489)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(4.045.022)	(45.272.946)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		48.153	61.909
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(221.021.400)	(287.338.647)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(408.839.807)	(213.836.477)
26	Tiền thu từ các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		200.000.000	265.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		51.381.266	24.257.009
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(382.476.810)	(257.129.152)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		488.556.609	192.083.804
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(698.127.428)	(160.931.154)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(209.570.819)	31.152.650

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2011

B03-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm nay
50	Giảm tiền thuần trong kỳ		(558.483.153)	(417.595.991)
60	Tiền đầu kỳ		2.634.154.476	1.297.566.342
70	Tiền cuối kỳ	4	2.075.671.323	879.970.351



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 4 năm 2011



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2011

B09-DN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh (số 5900377720) như sau:

Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 5 tháng 8 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 20 tháng 12 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 10 tháng 1 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 3 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 1 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 19 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 20 tháng 12 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 29 tháng 8 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 24 tháng 11 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 13 tháng 5 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười một	Ngày 11 tháng 6 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười hai	Ngày 15 tháng 9 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười ba	Ngày 18 tháng 11 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	Ngày 23 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	Ngày 17 tháng 5 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười sáu	Ngày 17 tháng 9 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười bảy	Ngày 28 tháng 12 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười tám	Ngày 28 tháng 1 năm 2011

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2011, Công ty có 11 công ty con sở hữu trực tiếp và 3 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 11 công ty con và 3 công ty liên kết) được trình bày trong Thuyết minh số 14 của các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng có tổng cộng 39 công ty con cấp bên dưới. Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; trồng cao su và các cây trồng khác; xây dựng; khai khoáng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VNĐ”) và được lập theo Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2011

B09-DN

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1 Cơ sở lập các báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ, các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Đơn vị tiền tệ kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

2.4 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ quý I năm 2011 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 31 tháng 3 năm 2011.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2011

B09-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

3.4 *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời .v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hay lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2011

B09-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và khấu trừ*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	20 năm
Quyền sử dụng đất	45 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, rừng cao su và trạm của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây cao su

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển rừng cây cao su như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

3.9 *Tài sản thuê*

Việc xác định xem một thỏa thuận là hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào đó hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoản thời gian thuê.

3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và chủ yếu là giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.13 *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.14 *Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác*

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.15 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 *Trích trước trợ cấp thôi việc*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.17 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Phân phối lợi nhuận thuần*

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v..

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

3.19 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu hoạt động bán hàng được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- ▶ doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- ▶ doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- ▶ xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc kinh doanh phòng khách sạn và khu nghỉ dưỡng và từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.20 Thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2011

B09-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Tiền gửi ngân hàng	2.074.623.651	2.633.291.450
Tiền mặt tại quỹ	1.031.676	859.917
Tiền đang chuyển	15.996	3.109
Tổng cộng	<u>2.075.671.323</u>	<u>2.634.154.476</u>

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 thể hiện giá trị tài sản ròng của chi nhánh Khu nghĩ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba. Thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo này.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	270.796.950	240.672.081
Phải thu tiền bán căn hộ	92.943.811	102.703.733
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	17.379.638	-
Tổng cộng	<u>381.120.399</u>	<u>343.375.814</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2011

B09-DN

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ Tạm ứng cho nhà thầu	70.697.538 -	46.644.861 -
Tổng cộng	70.697.538	46.644.861

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Phải thu các công ty con	4.067.151.902	4.136.019.802
Cho vay ngắn hạn các công ty	35.611.398	41.668.305
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	38.851.418	34.485.835
Cho vay ngắn hạn công nhân viên	146.395.797	22.243.829
Các khoản khác	261.115.173	16.489.208
Tổng cộng	4.549.125.688	4.250.906.979

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	261.406.151	238.333.646
Thành phẩm	640.012	1.139.533
Hàng hóa	3.630.704	2.388.516
Sản phẩm dở dang	39.067.102	40.048.638
Trong đó:		
Hợp đồng xây dựng	19.122.412	22.943.153
Sản xuất	18.855.226	17.105.485
Dịch vụ	1.089.464	-
Nguyên vật liệu	19.384.271	14.248.338
Vật liệu xây dựng	15.455.168	-
Công cụ, dụng cụ	1.733.751	2.009.682
Tổng cộng	341.317.159	298.168.353

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	14.100.199	7.690.377
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	50.120	50.120
Tổng cộng	14.150.319	7.740.497

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2011

B09-DN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Ngàn VNĐ
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	301.951.023	39.354.238	51.803.629	3.001.138	6.698.345	3.408.986	406.217.359
Tăng trong kỳ	4.599.769	1.331.621	10.235.075	163.688	-	122.486	16.452.639
Giảm trong kỳ	-	(1.951.118)	(583.990)	-	-	-	(2.535.108)
Ngày 31 tháng 3 năm 2011	306.550.792	38.734.741	61.454.714	3.164.826	6.698.345	3.531.472	420.134.890
Khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	(25.053.870)	(9.743.433)	(9.442.356)	(1.101.118)	(941.956)	(1.010.710)	(47.293.443)
Tăng trong kỳ	(2.542.485)	(1.744.393)	(1.565.162)	(201.650)	(42.241)	(81.272)	(6.177.203)
Giảm trong kỳ	-	255.209	115.581	-	-	-	370.790
Ngày 31 tháng 3 năm 2011	(27.596.355)	(11.232.617)	(10.891.937)	(1.302.768)	(984.197)	(1.091.982)	(53.099.856)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	276.897.153	29.610.805	42.361.273	1.900.020	5.756.389	2.398.276	358.923.916
Ngày 31 tháng 3 năm 2011	278.954.437	27.502.124	50.562.777	1.862.058	5.714.148	2.439.490	367.035.034

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2011

B09-DN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VNĐ</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	72.017.005	3.415.973	75.432.978
Tăng trong kỳ	-	184.929	184.929
Ngày 31 tháng 3 năm 2011	<u>72.017.005</u>	<u>3.600.902</u>	<u>75.617.907</u>
Khấu hao lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	-	(969.079)	(969.079)
Tăng trong kỳ	-	(187.463)	(187.463)
Ngày 31 tháng 3 năm 2011	-	<u>(1.156.542)</u>	<u>(1.156.542)</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	<u>72.017.005</u>	<u>2.446.894</u>	<u>74.463.899</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2011	<u>72.017.005</u>	<u>2.444.360</u>	<u>74.461.365</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	84.577.803	159.442.269
Chi phí trồng cây cao su	23.361.444	24.085.690
Bản quyền phần mềm của hãng SAP	19.381.479	-
Các công trình xây dựng khác	2.001.516	537.710
Tổng cộng	<u>129.322.242</u>	<u>184.065.669</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2011

B09-DN

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

14.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con

Chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2011		Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ
Các Tổng Công ty con quản lý ngành						
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	83,71	1.684.712.247	88,21	1.775.279.247
Công ty Cổ phần cao su Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	99,00	545.258.959	99,00	484.571.924
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Khai khoáng	Đang hoạt động	83,70	837.000.000	83,70	837.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	98,80	877.511.895	98,80	722.968.795
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Sản xuất	Đang hoạt động	88,18	100.986.248	88,18	100.986.248
Các Công ty con chưa tái cấu trúc xong						
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	100,00	237.827.470	100,00	47.043.575
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	80,00	26.930.800
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	53.424.959	51,00	53.424.959
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL (i)	Bệnh viện	Trước hoạt động	46,20	32.353.417	46,20	31.140.217
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	Đang hoạt động	51,85	15.800.000	51,85	15.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	55,12	4.680.000	55,12	4.680.000
Tổng cộng				4.416.485.995		4.099.825.765

(i) Công ty có trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát tại các công ty con này.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2011

B09-DN

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

14.2 Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2011		Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Bình Định Constrexim	Xây dựng nhà máy thủy điện	42,04	13.000.000	42,04	13.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Bất động sản	25,00	7.500.000	25,00	7.500.000
Công ty Đầu tư và Tư vấn xây dựng Á Đông	Tư vấn	25,00	5.000.000	25,00	5.000.000
Tổng cộng			25.500.000		25.500.000

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2011

B09-DN

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Chi phí đất đai để phát triển các dự án	82.796.090	81.183.513
Cho vay Chính phủ Lào (i)	267.991.784	280.819.684
Đầu tư vào cổ phiếu thường	17.360.041	17.360.041
Các khoản đầu tư khác	150.000	150.000
Tổng cộng	368.297.915	379.513.238

(i) Khoản cho vay Chính phủ Lào thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Biên bản ghi nhớ được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 4 tháng 4 năm 2008. Khoản cho vay này sẽ được hoàn trả bằng gỗ hoặc quota gỗ trong vòng 3 năm.

Trong kỳ, Công ty đã nhận được gỗ trả nợ từ Chính phủ Lào với giá trị là 12.827.900 ngàn VNĐ.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Quý 1 năm 2011	Quý 1 năm 2010
Số dư đầu kỳ	27.674.469	35.327.543
Tăng trong kỳ	2.159.315	2.459.062
	29.833.784	37.786.605
Chi phí phân bổ trong kỳ	(4.067.280)	(6.372.903)
Điều chuyển sang tài khoản khác	-	(649.645)
Số dư cuối kỳ	25.766.504	30.764.057

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Trái phiếu chuyển đổi	1.100.000.000	1.100.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	523.889.617	733.035.138
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	416.103.366	426.161.828
Tổng cộng	2.039.992.983	2.259.196.966

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2011

B09-DN

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Thuế thu nhập doanh nghiệp	272.049.480	179.489.201
Thuế giá trị gia tăng	863.585	934.767
Thuế thu nhập cá nhân	766.001	737.024
Các khoản phải nộp khác	166.638	148.445
Tổng cộng	273.845.704	181.309.437

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Chi phí lãi vay	46.665.500	79.381.458
Các khoản khác	6.763.986	4.217.203
Tổng cộng	53.429.486	83.598.661

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Phải trả các công ty con	179.312.883	142.832.243
Phải trả các công ty khác	9.500.000	9.500.000
Các khoản khác	12.447.088	13.538.297
Tổng cộng	201.259.971	165.870.540

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Trái phiếu thường	880.000.000	880.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	428.806.266	429.231.564
Tổng cộng	1.308.806.266	1.309.231.564
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)</i>	416.103.366	426.161.828
<i>Nợ dài hạn</i>	892.702.900	883.069.736

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2011

B09-DN

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU	Ngàn VNĐ					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
22.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	3.115.206.970	3.504.012.140	8.622.737	210.865.390	2.192.352.109	9.031.059.346
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	300.316.052	300.316.052
Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	1.557.598.930	(623.039.572)	-	-	(934.559.358)	-
Trích lập quỹ:						
Dự phòng tài chính	-	-	-	19.186.355	(19.186.355)	-
Khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(19.186.355)	(19.186.355)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(3.037.498)	(3.037.498)
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2011	4.672.805.900	2.880.972.568	8.622.737	230.051.745	1.516.698.595	9.309.151.545

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2011

B09-DN

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 3 năm 2011 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	467.280.590	311.520.697
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	467.280.590	311.520.697
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	467.280.590	311.520.697
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	467.280.590	311.520.697
Cổ phiếu đang lưu hành	467.280.590	311.520.697
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	467.280.590	311.520.697

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VNĐ	
	Quý I	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	115.585.067	314.355.262
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	53.674.545	85.714.623
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	30.573.635	207.393.000
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	23.895.846	17.169.019
<i>Doanh thu căn hộ</i>	7.441.041	4.078.620
Trừ	(79.253)	(71.427)
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(79.253)	(71.427)
Doanh thu thuần	115.505.814	314.283.835
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	53.674.545	85.714.623
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	30.573.635	207.393.000
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	23.816.593	17.097.592
<i>Doanh thu căn hộ</i>	7.441.041	4.078.620

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2011

B09-DN

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VNĐ	
	Quý I	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ hoạt động đầu tư	359.433.000	167.394.314
Lãi cho vay các công ty con	51.381.266	36.217.616
Lãi tiền gửi ngân hàng	55.314.107	22.252.923
Cổ tức nhận được	-	459.452.482
Tổng cộng	<u>466.128.373</u>	<u>685.317.335</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VNĐ	
	Quý I	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm, hàng hoá	46.255.225	50.638.609
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	28.945.533	144.340.623
Giá vốn dịch vụ cung cấp	16.659.189	12.520.542
Giá vốn căn hộ	5.935.343	3.473.856
Tổng cộng	<u>97.795.290</u>	<u>210.973.630</u>

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ	
	Quý I	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	53.042.288	51.424.193
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.583.789	324.084
Chi phí khác	2.705.343	-
Tổng cộng	<u>57.331.420</u>	<u>51.748.277</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2011

B09-DN

26. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	Quý I	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	174.035	400.091
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	48.153	61.909
Tiền thu bán phế liệu	-	225.280
Các khoản khác	125.882	112.902
Chi phí khác	(1.295.381)	(4.800.482)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(48.153)	-
Giá vốn phế liệu	-	(202.798)
Các khoản khác	(1.247.228)	(4.597.684)
Lãi/ (lỗ) thuần	(1.121.346)	(4.400.391)

27. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Công ty thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận doanh thu hoạt động bán căn hộ trước khi xây dựng hoàn tất để phù hợp với những nguyên tắc của các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng hồi tố. Các số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được điều chỉnh như sau:

	Đã trình bày trên Bảng CĐKT ngày 31/12/2010	Điều chỉnh hồi tố	Ngàn VND
			Số dư sau điều chỉnh hồi tố
Tài sản ngắn hạn	7.693.586.478	21.834.341	7.715.420.819
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.650.209.893	(9.282.239)	4.640.927.654
Phải thu khách hàng	352.658.053	(9.282.239)	343.375.814
Hàng tồn kho	267.056.283	31.112.070	298.168.353
Tài sản ngắn hạn khác	60.382.586	4.510	60.387.096
Chi phí trả trước ngắn hạn	41.628.536	4.510	41.633.046
Tài sản dài hạn	5.159.054.257	229.131	5.159.283.388
Tài sản dài hạn khác	36.761.770	229.131	36.990.901
Chi phí trả trước dài hạn	27.445.338	229.131	27.674.469
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	12.852.640.735	22.063.472	12.874.704.207
Nợ phải trả	3.810.648.566	32.996.295	3.843.644.861
Nợ ngắn hạn	2.921.219.607	38.196.406	2.959.416.013
Người mua trả tiền trước	8.581.406	38.196.406	46.777.812
Nợ dài hạn	889.428.959	(5.200.111)	884.228.848
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	5.200.111	(5.200.111)	-
Vốn chủ sở hữu	9.041.992.169	(10.932.823)	9.031.059.346
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.203.284.932	(10.932.823)	2.192.352.109
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	12.852.640.735	22.063.472	12.874.704.207

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2011

B09-DN

27. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)

Việc áp dụng thay đổi chính sách kế toán này không ảnh hưởng đến số liệu so sánh Quý I/2010 của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

28. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2011